TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Số: 235/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quận 12, ngày 17 tháng 03 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc "*Xin ly hôn*", giữa:

* Nguyên đơn: Anh Lê Quang N, sinh năm 1966

Thường trú: 206 Lô Y, Chung cư H, B, Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: 46/3B, Tổ G, Khu phố G, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1974

Thường trú: 409 Lô B3, Chung cư Phan Xích Long, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: 46/3B, Tổ 78, Khu phố 7, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm2014; Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 03 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Quang N và chị Lê Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang N và chị Lê Thị T thuận tình ly hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01/2012 ngày 29/02/2012 của Ủy ban nhân dân Phường G, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Quang T sinh ngày 18/10/2003. Hai bên thỏa thuận anh Lê Quang N nuôi con chung là Lê Quang T sinh ngày 18/10/2003. Anh Lê Quang N không yêu cầu chị Lê Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở Chị Lê Thị T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn*) đồng anh Lê Quang N tự nguyện nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên lai thu số 0108530 ngày 24 tháng 02 năm 2020. Hoàn lại cho anh Lê Quang N 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn*) đồng còn lại theo biên lai đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 12;
- THADS Quận 12;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THANH THẢO